

TUẦN 13

Toán

GIỚI THIỆU NHÂN NHẨM SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI 11

1. Mục tiêu:

Sau tiết học, HS có khả năng:

1.1. Kiến thức

- Giới thiệu cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 và biết cách nhân nhẩm với 11.

1.2. Kỹ năng

- Học sinh nắm cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 .

1.3. Thái độ

- Học sinh yêu thích môn học

2. Nhiệm vụ học tập thực hiện mục tiêu:

2.1. Cá nhân: Làm các bài tập của tiết

2.2. Nhóm học tập: so sánh kết quả trong nhóm.

3. Tổ chức hoạt động dạy học trên lớp:

3.1. Hoạt động 1 : Giới thiệu cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 .

MT : Giúp HS nắm cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 .

- 1 em đặt tính và thực hiện ở bảng .

- Nhận xét kết quả 297 với thừa số 27 nhằm rút ra kết luận : Để có 297 , ta viết số 9 là tổng của 2 và 7 xen kẽ giữa hai chữ số của 27 .

- Tương tự như trên .

- Cả lớp đặt tính và tính : 48×11

- Từ đó rút ra cách nhân nhẩm đúng :

$4 + 8 = 12$, viết 2 xen vào giữa hai chữ số của 48 để được 428 , thêm 1 vào 4 của 428 để được 528 .

3.2. Hoạt động 2 : Thực hành .

MT : HS làm được các bài tập 1,3.

- Tự làm bài rồi chữa bài 1:

a) $34 \times 11 = 374$

b) $11 \times 95 = 1045$

c) $82 \times 11 = 902$

Bài 2:

- Khi tìm x , nên nhân nhẩm với 11 .

a) $x : 11 = 25$

$$x = 25 \times 11$$

$$x = 275$$

b) $x : 11 = 78$

$$x = 78 \times 11$$

$$x = 858$$

Bài 3:

- Tự nêu tóm tắt rồi giải và chữa bài .

GIẢI

Khối lớp 4 có :

$$11 \times 17 = 187 \text{ (bạn)}$$

Khối lớp 5 có :

$$11 \times 15 = 165 \text{ (bạn)}$$

Cả hai khối có tất cả :

$$187 + 165 = 352 \text{ (bạn)}$$

Đáp số : 352 bạn

- 1 em đọc đề bài .

- Các nhóm trao đổi để rút ra được

4. Kiểm tra, đánh giá:

GV thu vở 1 số em để kiểm tra, nhận xét, tuyên dương em làm tốt.

5. Định hướng học tập tiếp theo:

- Cá nhân: Làm các bài tập của tiết

- Nhóm: Chuẩn bị bài học sau

Toán
NHÂN VỚI SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

1. Mục tiêu:

Sau tiết học, HS có khả năng:

1.1. Kiến thức

- Giúp HS biết cách nhân với số có ba chữ số .

1.2. Kỹ năng

- Nhận biết tích riêng thứ nhất , thứ hai , thứ ba trong phép nhân với số có ba chữ số và thực hiện được phép nhân này .

1.3. Thái độ

- Học sinh yêu thích môn học

2. Nhiệm vụ học tập thực hiện mục tiêu:

2.1. Cá nhân: Làm các bài tập của tiết

2.2. Nhóm học tập: so sánh kết quả trong nhóm.

3. Tổ chức hoạt động dạy học trên lớp:

3.1. Hoạt động 1 : Tìm hiểu cách nhân với số có ba chữ số .

MT : HS nắm cách nhân với số có 3 chữ số .

- Cả lớp thực hiện :

$$\begin{aligned}164 \times 123 &= 164 \times (100 + 20 + 3) \\ &= 164 \times 100 + 164 \times 20 + 164 \times 3 \\ &= 16\,400 + 3280 + 492 \\ &= 20\,172\end{aligned}$$

-Thông thường ta đặt tính và thực hiện tính như sau:

164	
<u>123</u>	
492	492 gọi là tích riêng thứ nhất.
328	328 gọi là tích riêng thứ hai (viết lùi sang trái 1 cột)
164	164 gọi là tích riêng thứ ba(viết lùi sang trái hai cột
20172	so với tích riêng thứ nhất)

3.2. Hoạt động 2 : Thực hành .

MT : HS làm được các bài tập 1,3.

Bài 1: Đặt tính rồi tính và chữa bài .

Bài 2:Tính ở vở nháp , gọi HS lên bảng viết giá trị của từng biểu thức vào ô trống ở bảng do GV kẻ sẵn như SGK .

Bài 3: Tự làm bài rồi chữa bài .

GIẢI

Diện tích mảnh vườn là :

$$125 \times 125 = 15\,625 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số : 15 625 m²

4. Kiểm tra, đánh giá:

GV thu vở 1 số em để kiểm tra, nhận xét, tuyên dương em làm tốt.

5. Định hướng học tập tiếp theo:

- Cá nhân: Làm các bài tập của tiết
- Nhóm: Chuẩn bị bài học sau

Toán
NHÂN VỚI SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (tt)

1. Mục tiêu:

Sau tiết học, HS có khả năng:

1.1. Kiến thức

- Giúp HS biết cách nhân với số có ba chữ số mà chữ số hàng chục là 0 .

1.2. Kỹ năng

- Thực hành tính toán nhanh , chính xác , trình bày phép tính đúng .

1.3. Thái độ

- Học sinh yêu thích môn học

2. Nhiệm vụ học tập thực hiện mục tiêu:

2.1. Cá nhân: Làm các bài tập của tiết

2.2. Nhóm học tập: so sánh kết quả trong nhóm.

3. Tổ chức hoạt động dạy học trên lớp:

3.1. Hoạt động 1 : Tìm hiểu cách đặt tính và tính .

MT : HS nắm cách đặt tính và tính phép nhân với số có ba chữ số mà chữ số hàng chục là 0 .

- Cả lớp đặt tính và tính : 258×203 , 1 em làm ở bảng .

- Nhận xét về các tích riêng để rút ra :

+ Tích riêng thứ hai gồm toàn chữ số 0 .

+ Có thể bỏ bớt , không cần viết tích riêng này mà vẫn dễ dàng thực hiện phép cộng .

3.2. Hoạt động 2 : Thực hành .

MT : HS làm được các bài tập 1,2.

Bài 1:Tự đặt tính rồi tính .

Bài 2: Tự phát hiện phép nhân đúng , sai và giải thích vì sao sai .

Bài 3:Tự nêu tóm tắt bài toán rồi làm bài và chữa bài .

GIẢI

Số thức ăn cần trong 1 ngày :

$$104 \times 375 = 39\,000 \text{ (g)}$$

$$\text{Đổi : } 39\,000 \text{ g} = 39 \text{ kg}$$

Số thức ăn cần trong 10 ngày :

$$39 \times 10 = 390 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 390 kg

4. Kiểm tra, đánh giá:

GV thu vở 1 số em để kiểm tra, nhận xét, tuyên dương em làm tốt.

5. Định hướng học tập tiếp theo:

- Cá nhân: Làm các bài tập của tiết
- Nhóm: Chuẩn bị bài học sau

Toán

LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

Sau tiết học, HS có khả năng:

1.1. Kiến thức

- Giúp HS ôn tập cách nhân với số có hai chữ số , ba chữ số ; tính chất nhân một số với một tổng , một hiệu ; tính chất giao hoán , kết hợp của phép nhân ; tính giá trị của biểu thức số và giải toán .

1.2. Kỹ năng

- Làm thành thạo các phép tính nhân .

1.3. Thái độ

- Học sinh yêu thích môn học

2. Nhiệm vụ học tập thực hiện mục tiêu:

2.1. Cá nhân: Làm các bài tập của tiết

2.2. Nhóm học tập: so sánh kết quả trong nhóm.

3. Tổ chức hoạt động dạy học trên lớp:

3.1. Hoạt động 1 : Cách đặt tính và thực hiện phép tính .

MT : HS nắm vững cách đặt tính , tính thành thạo các phép tính nhân .

Bài 1,2 : Cả lớp đặt tính và tính , làm xong phép tính này mới chuyển sang phép tính khác . Có thể tổ chức thi tính nhanh giữa các nhóm HS .

- Cả lớp tính xong , nêu nhận xét :

+ Ba số trong mỗi dãy tính phần a , b , c là như nhau .

+ Phép tính khác nhau và kết quả khác nhau .

+ Khi tính có thể áp dụng nhân nhẩm với 11 .

Bài 3:Tính theo cách thuận tiện :

$$\begin{aligned} \text{a) } 142 \times 12 + 142 \times 18 &= 142 \times (12 + 8) \\ &= 142 \times 30 \\ &= 4260 \end{aligned}$$

$$\text{b) } 49 \times 365 - 39 \times 365 = (49 - 39) \times 365$$

$$= 10 \times 365$$

$$= 3650$$

3.2. Hoạt động 2 : Củng cố giải toán .

MT : HS nắm cách giải các bài toán lời văn liên quan đến phép nhân .

- Tự làm bài rồi chữa bài .

GIẢI

Số bóng điện lắp đủ cho 32 phòng học :

$$8 \times 32 = 256 \text{ (bóng)}$$

Số tiền mua bóng điện để lắp đủ cho 32 phòng học :

$$3500 \times 256 = 896\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số : 896 000 đồng

Bài 5: Tự làm bài rồi chữa bài .

a) Với $a = 12 \text{ cm}$, $b = 5 \text{ cm}$ thì $S = 12 \times 5 = 60 \text{ (cm}^2\text{)}$

Với $a = 15 \text{ m}$, $b = 10 \text{ m}$ thì $S = 15 \times 10 = 150 \text{ (m}^2\text{)}$

b) Nếu chiều dài a gấp lên 2 lần thì chiều dài mới là $a \times 2$ và diện tích hình chữ nhật là mới là $a \times 2 \times b = 2 \times a \times b = 2 \times (a \times b) = 2 \times S$

Vậy : **Khi chiều dài gấp lên 2 lần và giữ nguyên chiều rộng thì diện tích hình chữ nhật gấp lên 2 lần .**

4. Kiểm tra, đánh giá:

GV thu vở 1 số em để kiểm tra, nhận xét, tuyên dương em làm tốt.

5. Định hướng học tập tiếp theo:

- Cá nhân: Làm các bài tập của tiết
- Nhóm: Chuẩn bị bài học sau

Toán
LUYỆN TẬP CHUNG

1. Mục tiêu:

Sau tiết học, HS có khả năng:

1.1. Kiến thức

- Giúp HS ôn tập , củng cố về : Một số đơn vị đo khối lượng , diện tích , thời gian thường gặp . Phép nhân với số có hai hoặc ba chữ số và một số tính chất của phép nhân . Lập công thức tính chu vi hình vuông .

1.2. Kỹ năng

- Làm thành thạo các bài tập liên quan đến các kiến thức trên .

1.3. Thái độ

- Học sinh yêu thích môn học

2. Nhiệm vụ học tập thực hiện mục tiêu:

2.1. Cá nhân: Làm các bài tập của tiết

2.2. Nhóm học tập: so sánh kết quả trong nhóm.

3. Tổ chức hoạt động dạy học trên lớp:

3.1. Hoạt động 1 : Củng cố cách đặt tính , thực hiện phép tính , tính nhanh , đổi số đo khối lượng, đơn vị đo diện tích.

MT : HS nắm vững cách đặt tính , thực hiện phép tính , tính nhanh , đổi số đo

Bài 1: Tự làm đổi đơn vị đo KL, DT rồi chữa bài .

Bài 2 (dòng 1): Tự làm bài rồi chữa bài .

Bài 3: Tự làm bài rồi chữa bài .

3.2. Hoạt động 2 : Củng cố giải toán , tính chu vi hình vuông .

MT : HS giải được các bài toán liên quan đến phép nhân và tính diện tích hình vuông .

-GV HD học sinh VN làm 4,5.

- Tự làm bài rồi chữa bài .

GIẢI

1 giờ 15 phút = 75 phút

Mỗi phút , hai vòi cùng chảy vào bể được

$$25 + 15 = 40 \text{ (l)}$$

Sau 1 giờ 5 phút , cả 2 vòi chảy vào bể được :

$$40 \times 75 = 3000 \text{ (l)}$$

Đáp số : 3000 lít

- Tự làm bài rồi chữa bài . Khi chữa bài , nêu bằng lời cách tính diện tích hình vuông .

a) $S = a \times a$

b) Với $a = 25 \text{ m}$ thì $S = 25 \times 25 = 625 \text{ (m}^2\text{)}$

4. Kiểm tra, đánh giá:

GV thu vở 1 số em để kiểm tra, nhận xét, tuyên dương em làm tốt.

5. Định hướng học tập tiếp theo:

- Cá nhân: Làm các bài tập của tiết
- Nhóm: Chuẩn bị bài học sau